

PHÂN CÔNG HƯỚNG DẪN KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2026-2027 ĐỢT CHÍNH

STT	Họ tên	MSV	Lớp	Mã học phần	Phân công bộ môn	Giáo viên hướng dẫn	GVHD 2	Mã GV
1	Nguyễn Đức Thế	680977	K68LOGISC	KQ04973(Logistics và QLCCU)	Kế toán quản trị & kiểm toán	Bùi Thị Mai Linh		KEQ01
2	Nguyễn Thị Huyền Trang	683842	K68LOGISC	KQ04973(Logistics và QLCCU)	Kế toán quản trị & kiểm toán	Bùi Thị Mai Linh		KEQ01
3	Bùi Thị Xuân	685005	K68LOGISC	KQ04973(Logistics và QLCCU)	Kế toán quản trị & kiểm toán	Bùi Thị Mai Linh		KEQ01
4	Nguyễn Minh Khuê	672897	K67KEKTB	KQ04995(Kế toán kiểm toán)	Kế toán quản trị & kiểm toán	Bùi Thị Mai Linh		KEQ01
5	Nguyễn Thị Mỹ Lệ	672924	K67KEKTB	KQ04995(Kế toán kiểm toán)	Kế toán quản trị & kiểm toán	Bùi Thị Mai Linh		KEQ01
6	Phạm Thanh Trang	673583	K67KEKTC	KQ04995(Kế toán kiểm toán)	Kế toán quản trị & kiểm toán	Bùi Thị Mai Linh		KEQ01
7	Lê Vương Vũ	673659	K67KEKTA	KQ04995(Kế toán kiểm toán)	Kế toán quản trị & kiểm toán	Bùi Thị Mai Linh		KEQ01
8	Lê Thị Thuý Linh	676543	K67LOGISB	KQ04973(Logistics và QLCCU)	Kế toán quản trị & kiểm toán	Đỗ Quang Giám		KEQ07
9	Nguyễn Thị Hải Yến	682168	K68LOGISE	KQ04973(Logistics và QLCCU)	Kế toán quản trị & kiểm toán	Đỗ Quang Giám		KEQ07
10	Nguyễn Thị Xuân Quỳnh	684946	K68LOGISC	KQ04973(Logistics và QLCCU)	Kế toán quản trị & kiểm toán	Đỗ Quang Giám		KEQ07
11	Lê Việt Hoàng	688506	K68KEKTB	KQ04995(Kế toán kiểm toán)	Kế toán quản trị & kiểm toán	Đỗ Quang Giám		KEQ07
12	Vũ Nguyễn Xuân Mai	6656271	K66KEKTC	KQ04995(Kế toán kiểm toán)	Kế toán quản trị & kiểm toán	Đỗ Quang Giám		KEQ07
13	Nguyễn Thị Thuý Nguyên	676681	K67LOGISD	KQ04973(Logistics và QLCCU)	Kế toán quản trị & kiểm toán	Lại Phương Thảo		KEQ06
14	Nguyễn Thị Ngọc	684910	K68LOGISA	KQ04973(Logistics và QLCCU)	Kế toán quản trị & kiểm toán	Lại Phương Thảo		KEQ06
15	Phạm Thị Thuý Linh	673012	K67KEKTA	KQ04995(Kế toán kiểm toán)	Kế toán quản trị & kiểm toán	Lại Phương Thảo		KEQ06
16	Trần Mai Hương	680924	K68KEKTA	KQ04995(Kế toán kiểm toán)	Kế toán quản trị & kiểm toán	Lại Phương Thảo		KEQ06
17	Nguyễn Thị Hồng Nhung	681196	K68KEKTA	KQ04995(Kế toán kiểm toán)	Kế toán quản trị & kiểm toán	Lại Phương Thảo		KEQ06
18	Nguyễn Thuý Hương	682681	K68KEKTA	KQ04995(Kế toán kiểm toán)	Kế toán quản trị & kiểm toán	Lại Phương Thảo		KEQ06
19	Nguyễn Thị Hồng Phượng	685889	K68KEKTA	KQ04995(Kế toán kiểm toán)	Kế toán quản trị & kiểm toán	Lại Phương Thảo		KEQ06
20	Nguyễn Thu Hương	683429	K68KED	KQ04997(Kế toán)	Kế toán quản trị & kiểm toán	Lại Phương Thảo		KEQ06
21	Nguyễn Hồng Việt	681833	K68LOGISA	KQ04973(Logistics và QLCCU)	Kế toán quản trị & kiểm toán	Lê Thanh Hà		KEQ02
22	Đinh Thị Thu Huyền	672849	K67KEKTC	KQ04995(Kế toán kiểm toán)	Kế toán quản trị & kiểm toán	Lê Thanh Hà		KEQ02
23	Hà Trọng Nghĩa	673168	K67KEKTC	KQ04995(Kế toán kiểm toán)	Kế toán quản trị & kiểm toán	Lê Thanh Hà		KEQ02
24	Hoàng Thị Thu Thảo	673408	K67KEKTC	KQ04995(Kế toán kiểm toán)	Kế toán quản trị & kiểm toán	Lê Thanh Hà		KEQ02
25	Nguyễn Duy Thuận	673475	K67KEKTC	KQ04995(Kế toán kiểm toán)	Kế toán quản trị & kiểm toán	Lê Thanh Hà		KEQ02
26	Nguyễn Quang Trung	673601	K67KEKTC	KQ04995(Kế toán kiểm toán)	Kế toán quản trị & kiểm toán	Lê Thanh Hà		KEQ02
27	Hoàng Thu Trang	673545	K67KEKTB	KQ04995(Kế toán kiểm toán)	Kế toán quản trị & kiểm toán	Lê Thanh Hà		KEQ02
28	Nguyễn Thị Phương Thảo	685977	K68KEB	KQ04997(Kế toán)	Kế toán quản trị & kiểm toán	Lê Thanh Hà		KEQ02
29	Nguyễn Thị Ánh	676295	K67LOGISD	KQ04973(Logistics và QLCCU)	Kế toán quản trị & kiểm toán	Nguyễn Thị Thuý Dung		KEQ03
30	Phạm Bích Diệp	672563	K67KEKTB	KQ04995(Kế toán kiểm toán)	Kế toán quản trị & kiểm toán	Nguyễn Thị Thuý Dung		KEQ03
31	Bùi Yến Linh	672953	K67KEKTC	KQ04995(Kế toán kiểm toán)	Kế toán quản trị & kiểm toán	Nguyễn Thị Thuý Dung		KEQ03
32	Lê Thị Ngọc	685754	K68KEKTB	KQ04995(Kế toán kiểm toán)	Kế toán quản trị & kiểm toán	Nguyễn Thị Thuý Dung		KEQ03
33	Nguyễn Thị Thảo	685979	K68KEKTB	KQ04995(Kế toán kiểm toán)	Kế toán quản trị & kiểm toán	Nguyễn Thị Thuý Dung		KEQ03
34	Lương Thị Kiều Oanh	6661391	K66KEKTA	KQ04995(Kế toán kiểm toán)	Kế toán quản trị & kiểm toán	Nguyễn Thị Thuý Dung		KEQ03
35	Phạm Phương Thảo	673431	K67KEKTC	KQ04995(Kế toán kiểm toán)	Kế toán quản trị & kiểm toán	Nguyễn Thị Thuý Dung		KEQ03
36	Phạm Yến Nhi	688454	K68LOGISF	KQ04973(Logistics và QLCCU)	Kế toán quản trị & kiểm toán	Vũ Thị Hải		KEQ10
37	Nguyễn Thị Ngọc Anh	672429	K67KEKTB	KQ04995(Kế toán kiểm toán)	Kế toán quản trị & kiểm toán	Vũ Thị Hải		KEQ10
38	Bùi Văn Hậu	672726	K67KEKTC	KQ04995(Kế toán kiểm toán)	Kế toán quản trị & kiểm toán	Vũ Thị Hải		KEQ10
39	Lê Quang Minh	673096	K67KEKTB	KQ04995(Kế toán kiểm toán)	Kế toán quản trị & kiểm toán	Vũ Thị Hải		KEQ10
40	Đậu Thị Hiền Thương	673480	K67KEKTB	KQ04995(Kế toán kiểm toán)	Kế toán quản trị & kiểm toán	Vũ Thị Hải		KEQ10
41	Lê Thị Kim Trang	673552	K67KEKTB	KQ04995(Kế toán kiểm toán)	Kế toán quản trị & kiểm toán	Vũ Thị Hải		KEQ10
42	Đỗ Phương Thanh	685946	K68KEKTB	KQ04995(Kế toán kiểm toán)	Kế toán quản trị & kiểm toán	Vũ Thị Hải		KEQ10
43	Phạm Thị Thảo Ngọc	6660763	K66KEKTA	KQ04995(Kế toán kiểm toán)	Kế toán quản trị & kiểm toán	Vũ Thị Hải		KEQ10
44	Trương Ngọc Anh	672469	K67KEC	KQ04997(Kế toán)	Kế toán tài chính	Hoàng Thị Mai Anh		BKT20
45	Lê Thị Tuyết Mai	673077	K67KEB	KQ04997(Kế toán)	Kế toán tài chính	Hoàng Thị Mai Anh		BKT20
46	Nguyễn Thị Trà My	673117	K67KED	KQ04997(Kế toán)	Kế toán tài chính	Hoàng Thị Mai Anh		BKT20
47	Trần Ngọc Sơn	673364	K67KEF	KQ04997(Kế toán)	Kế toán tài chính	Hoàng Thị Mai Anh		BKT20
48	Đặng Việt Hoàng	678098	K67KEB	KQ04997(Kế toán)	Kế toán tài chính	Hoàng Thị Mai Anh		BKT20
49	Nguyễn Thị Mỹ Hoa	682548	K68KEB	KQ04997(Kế toán)	Kế toán tài chính	Hoàng Thị Mai Anh		BKT20
50	Nguyễn Thị Hiền	685335	K68KED	KQ04997(Kế toán)	Kế toán tài chính	Hoàng Thị Mai Anh		BKT20
51	Phạm Thị Khánh Linh	685592	K68KED	KQ04997(Kế toán)	Kế toán tài chính	Hoàng Thị Mai Anh		BKT20
52	Đỗ Hoàng Hiệp	675400	K67TMDTB	KQ04972(Thương mại điện tử)	Kế toán tài chính	Lê Thị Minh Châu		BKT09
53	Nguyễn Văn Phú Tài	681749	K68QTMB	KQ04994(Quản trị Marketing)	Kế toán tài chính	Lê Thị Minh Châu		BKT09
54	Đoàn Thị Kim Diệu	672564	K67KEC	KQ04997(Kế toán)	Kế toán tài chính	Lê Thị Minh Châu		BKT09
55	Nguyễn Quỳnh Giao	672647	K67KEE	KQ04997(Kế toán)	Kế toán tài chính	Lê Thị Minh Châu		BKT09
56	Nguyễn Khánh Huyền	682166	K68KEB	KQ04997(Kế toán)	Kế toán tài chính	Lê Thị Minh Châu		BKT09
57	Nguyễn Thị Khánh Dương	688603	K68KEB	KQ04997(Kế toán)	Kế toán tài chính	Lê Thị Minh Châu		BKT09
58	Phạm Thị Thu Trang	673582	K67KEF	KQ04997(Kế toán)	Kế toán tài chính	Lê Thị Minh Châu		BKT09
59	Nguyễn Thị Vân Anh	672405	K67KEH	KQ04997(Kế toán)	Kế toán tài chính	Lê Thị Minh Châu		BKT09
60	Quan Xuân Hoàng	675426	K67TMDTB	KQ04972(Thương mại điện tử)	Kế toán tài chính	Nguyễn Đăng Học		BKT02
61	Nguyễn Thị Huyền Trang	681121	K68KEA	KQ04997(Kế toán)	Kế toán tài chính	Nguyễn Đăng Học		BKT02
62	Nguyễn Quỳnh Mai	6653268	K66KEC	KQ04997(Kế toán)	Kế toán tài chính	Nguyễn Đăng Học		BKT02
63	Nguyễn Lê Thu Trang	652326	K65KEC	KQ04997(Kế toán)	Kế toán tài chính	Nguyễn Đăng Học		BKT02
64	Phạm Ngọc Ánh	672491	K67KEB	KQ04997(Kế toán)	Kế toán tài chính	Nguyễn Thị Hải Bình		BKT10
65	Ngô Công Đạt	672550	K67KEB	KQ04997(Kế toán)	Kế toán tài chính	Nguyễn Thị Hải Bình		BKT10
66	Vũ Thị Minh Ngọc	673197	K67KEC	KQ04997(Kế toán)	Kế toán tài chính	Nguyễn Thị Hải Bình		BKT10
67	Trần Thị Uyên	683532	K68KEC	KQ04997(Kế toán)	Kế toán tài chính	Nguyễn Thị Hải Bình		BKT10

STT	Họ tên	MSV	Lớp	Mã học phần	Phân công bộ môn	Giáo viên hướng dẫn	GVHD 2	Mã GV
68	Lương Thị Huyền Trang	686096	K68KEA	KQ04997(Kế toán)	Kế toán tài chính	Nguyễn Thị Hải Bình		BKT10
69	Lê Kim Anh	672390	K67KEE	KQ04997(Kế toán)	Kế toán tài chính	Nguyễn Thị Hải Bình		BKT10
70	Nguyễn Phương Nhi	673235	K67KEC	KQ04997(Kế toán)	Kế toán tài chính	Nguyễn Thị Hải Bình		BKT10
71	Nguyễn Thu Huyền	645795	T64KE	KQ04997(Kế toán)	Kế toán tài chính	Nguyễn Thị Hải Bình		BKT10
72	Nguyễn Thị Mai Anh	684769	K68LOGISC	KQ04973(Logistics và QLCCU)	Kế toán tài chính	Nguyễn Thị Thuý		BKT10
73	Lương Hoàng Lan	685523	K68KEKTA	KQ04995(Kế toán kiểm toán)	Kế toán tài chính	Nguyễn Thị Thuý		BKT10
74	Đặng Hồng Hạnh	672713	K67KEE	KQ04997(Kế toán)	Kế toán tài chính	Nguyễn Thị Thuý		BKT10
75	Nguyễn Thuý Hiền	672731	K67KEE	KQ04997(Kế toán)	Kế toán tài chính	Nguyễn Thị Thuý		BKT10
76	Nguyễn Ngọc Huyền	680017	K68KEA	KQ04997(Kế toán)	Kế toán tài chính	Nguyễn Thị Thuý		BKT10
77	Đoàn Ngọc Linh	680933	K68KEA	KQ04997(Kế toán)	Kế toán tài chính	Nguyễn Thị Thuý		BKT10
78	Đoàn Ngọc Huyền	680937	K68KEA	KQ04997(Kế toán)	Kế toán tài chính	Nguyễn Thị Thuý		BKT10
79	Nguyễn Nhật Linh	685566	K68KEA	KQ04997(Kế toán)	Kế toán tài chính	Nguyễn Thị Thuý		BKT10
80	Nguyễn Văn Hải	672686	K67KEC	KQ04997(Kế toán)	Kế toán tài chính	Phan Lê Trang		BKT21
81	Lê Thị Thuý	673493	K67KEC	KQ04997(Kế toán)	Kế toán tài chính	Phan Lê Trang		BKT21
82	Đỗ Thu Hoàn	682178	K68KEB	KQ04997(Kế toán)	Kế toán tài chính	Phan Lê Trang		BKT21
83	Lê Thị Minh Anh	682313	K68KEB	KQ04997(Kế toán)	Kế toán tài chính	Phan Lê Trang		BKT21
84	Nguyễn Thị Khánh Ly	683292	K68KEB	KQ04997(Kế toán)	Kế toán tài chính	Phan Lê Trang		BKT21
85	Vũ Thị Vân Anh	685110	K68KEC	KQ04997(Kế toán)	Kế toán tài chính	Phan Lê Trang		BKT21
86	Nguyễn Thị Bích Hạnh	688503	K68KEB	KQ04997(Kế toán)	Kế toán tài chính	Phan Lê Trang		BKT21
87	Lê Thị Hằng	688602	K68KED	KQ04997(Kế toán)	Kế toán tài chính	Phan Lê Trang		BKT21
88	Nguyễn Trọng Tuấn	682576	K68LOGISA	KQ04973(Logistics và QLCCU)	Kế toán tài chính	Phí Thị Diễm Hồng		BKT01
89	Hoàng Thanh Thảo	673409	K67KEC	KQ04997(Kế toán)	Kế toán tài chính	Phí Thị Diễm Hồng		BKT01
90	Đinh Thu Trang	673531	K67KEF	KQ04997(Kế toán)	Kế toán tài chính	Phí Thị Diễm Hồng		BKT01
91	Đặng Huyền Linh	682731	K68KEB	KQ04997(Kế toán)	Kế toán tài chính	Phí Thị Diễm Hồng		BKT01
92	Đặng Thị Ngọc Anh	685031	K68KED	KQ04997(Kế toán)	Kế toán tài chính	Phí Thị Diễm Hồng		BKT01
93	Đỗ Thị Minh	676623	K67LOGISB	KQ04973(Logistics và QLCCU)	Kế toán tài chính	Trần Minh Huệ		BKT19
94	Trần Nam Long	683608	K68LOGISF	KQ04973(Logistics và QLCCU)	Kế toán tài chính	Trần Minh Huệ		BKT19
95	Phùng Hải Dương	680438	K68KEKTA	KQ04995(Kế toán kiểm toán)	Kế toán tài chính	Trần Minh Huệ		BKT19
96	Đào Thị Tâm	676782	K67LOGISF	KQ04997(Kế toán)	Kế toán tài chính	Trần Minh Huệ		BKT19
97	Lê Thị Mai Hoa	685372	K68KEB	KQ04997(Kế toán)	Kế toán tài chính	Trần Minh Huệ		BKT19
98	Lương Thị Ngọc Ánh	683464	K68KED	KQ04997(Kế toán)	Kế toán tài chính	Trần Minh Huệ		BKT19
99	Lương Thị Tuyết	686175	K68KED	KQ04997(Kế toán)	Kế toán tài chính	Trần Minh Huệ		BKT19
100	Cao Thị Minh Nguyệt	685779	K68KED	KQ04997(Kế toán)	Kế toán tài chính	Trần Minh Huệ		BKT19
101	Nguyễn Thị Hương Linh	676571	K67LOGISB	KQ04973	Kế toán tài chính	Trần Nguyễn Thị Yến		BKT03
102	Vương Khánh Linh	676585	K67LOGISB	KQ04973	Kế toán tài chính	Trần Nguyễn Thị Yến		BKT03
103	Dương Thị Hồng Nhung	682249	K68LOGISD	KQ04973(Logistics và QLCCU)	Kế toán tài chính	Trần Nguyễn Thị Yến		BKT03
104	Lưu Thị Hương	683675	K68LOGISD	KQ04973(Logistics và QLCCU)	Kế toán tài chính	Trần Nguyễn Thị Yến		BKT03
105	Nguyễn Thị Hải Yến	686235	K68KEC	KQ04997(Kế toán)	Kế toán tài chính	Trần Nguyễn Thị Yến		BKT03
106	Nguyễn Thị Ly	673064	K67KEF	KQ04997(Kế toán)	Kế toán tài chính	Trần Nguyễn Thị Yến		BKT03
107	phạm thị cẩm ly	676601	K67LOGISF	KQ04973(Logistics và QLCCU)	Kế toán tài chính	Trần Thị Thương		BKT12
108	Nguyễn Thị Thơm	673448	K67KEE	KQ04997(Kế toán)	Kế toán tài chính	Trần Thị Thương		BKT12
109	Đông Thị Minh Trang	673540	K67KEE	KQ04997(Kế toán)	Kế toán tài chính	Trần Thị Thương		BKT12
110	Hoàng Thị Thắm	683810	K68KEB	KQ04997(Kế toán)	Kế toán tài chính	Trần Thị Thương		BKT12
111	Dương Thu Phương	688512	K68KEA	KQ04997(Kế toán)	Kế toán tài chính	Trần Thị Thương		BKT12
112	Đỗ Thị Như Quỳnh	688592	K68KEA	KQ04997(Kế toán)	Kế toán tài chính	Trần Thị Thương		BKT12
113	Nguyễn Thị Huyền Thanh	6661399	K66KEB	KQ04997(Kế toán)	Kế toán tài chính	Trần Thị Thương		BKT12
114	Nguyễn Vi Bảo Ngọc	673185	K67KEH	KQ04997(Kế toán)	Kế toán tài chính	Trần Thị Thương		BKT12
115	Nguyễn Thị Phương	682363	K68KEB	KQ04997(Kế toán)	Kế toán tài chính	Vũ Ngọc Huyền		BKT07
116	Nguyễn Thị Hà Hương	672816	K67KEH	KQ04997(Kế toán)	Kế toán tài chính	Vũ Ngọc Huyền		BKT07
117	Trần Minh Quân	683376	K68LOGISD	KQ04973(Logistics và QLCCU)	Marketing	Bùi Hồng Quý		MKT13
118	Lê Thị Mai	675681	K67QTMA	KQ04994(Quản trị Marketing)	Marketing	Bùi Hồng Quý		MKT13
119	Nguyễn Thị Thanh	683905	K68TMDTA	KQ04972(Thương mại điện tử)	Marketing	Bùi Hồng Quý		MKT13
120	Lê Phương Nguyễn	680073	K68QTMC	KQ04994(Quản trị Marketing)	Marketing	Bùi Hồng Quý		MKT13
121	Đỗ Minh Vũ	680649	K68LOGISC	KQ04973(Logistics và QLCCU)	Marketing	Bùi Hồng Quý		MKT13
122	Lê Minh Anh	682118	K68QTMA	KQ04994(Quản trị Marketing)	Marketing	Bùi Hồng Quý		MKT13
123	Nguyễn Ngọc Linh	683832	K68LOGISB	KQ04973(Logistics và QLCCU)	Marketing	Bùi Hồng Quý		MKT13
124	Nguyễn Duy Anh	676260	K67LOGISF	KQ04973(Logistics và QLCCU)	Marketing	Đặng Thị Kim Hoa		MKT12
125	Phan Thị Hằng	680055	K68LOGISE	KQ04973(Logistics và QLCCU)	Marketing	Đặng Thị Kim Hoa		MKT12
126	Nguyễn Thảo Nga	682543	K68LOGISE	KQ04973(Logistics và QLCCU)	Marketing	Đặng Thị Kim Hoa		MKT12
127	Nguyễn Quý Ngọc	6653259	K66LOGISB	KQ04973(Logistics và QLCCU)	Marketing	Đặng Thị Kim Hoa		MKT12
128	Nguyễn Thành Đạt	684812	K68LOGISF	KQ04973(Logistics và QLCCU)	Marketing	Đặng Thị Kim Hoa		MKT12
129	Đào Xuân Hoà	680071	K68LOGISF	KQ04973(Logistics và QLCCU)	Marketing	Đặng Thị Kim Hoa		MKT12
130	Nguyễn Thị Cẩm Ly	684889	K68LOGISD	KQ04973(Logistics và QLCCU)	Marketing	Đặng Thị Kim Hoa		MKT12
131	NGUYỄN HÙNG LĨNH	675651	K67TMDTB	KQ04972(Thương mại điện tử)	Marketing	Đỗ Thị Mỹ Hạnh		MKT15
132	Hoàng Xuân Giao	675323	K67QTMB	KQ04994(Quản trị Marketing)	Marketing	Đỗ Thị Mỹ Hạnh		MKT15
133	Hoàng Thị Phương Thảo	684956	K68LOGISC	KQ04973(Logistics và QLCCU)	Marketing	Đỗ Thị Mỹ Hạnh		MKT15
134	Đinh Thị Hiền	680882	K68LOGISE	KQ04973(Logistics và QLCCU)	Marketing	Đỗ Thị Mỹ Hạnh		MKT15
135	Nguyễn Thị Yến Vy	676208	K67TMDTA	KQ04972(Thương mại điện tử)	Marketing	Đỗ Thị Mỹ Hạnh		MKT15

STT	Họ tên	MSV	Lớp	Mã học phần	Phân công bộ môn	Giáo viên hướng dẫn	GVHD 2	Mã GV
136	Đinh Thị Tuyết Nhi	681891	K68LOGISA	KQ04973(Logistics và QLCCU)	Marketing	Đỗ Thị Mỹ Hạnh		MKT15
137	Nguyễn Thị Huyền Trang	688452	K68LOGISTIC	KQ04973(Logistics và QLCCU)	Marketing	Đỗ Thị Mỹ Hạnh		MKT15
138	Lăng Thị Vân Anh	675083	K67QTM	KQ04994(Quản trị Marketing)	Marketing	Đỗ Thị Tuyết Mai		MKT18
139	Lê Quang Minh	680503	K68LOGISD	KQ04973(Logistics và QLCCU)	Marketing	Đỗ Thị Tuyết Mai		MKT18
140	Nguyễn Kiều Trang	676106	K67TMDTB	KQ04972(Thương mại điện tử)	Marketing	Đỗ Thị Tuyết Mai		MKT18
141	Nguyễn Tuấn Anh	688442	K68LOGISF	KQ04973(Logistics và QLCCU)	Marketing	Đỗ Thị Tuyết Mai		MKT18
142	Lê Nguyễn Quỳnh Hương	688457	K68LOGISF	KQ04973(Logistics và QLCCU)	Marketing	Đỗ Thị Tuyết Mai		MKT18
143	Nguyễn Thị Kim Cúc	682273	K68LOGISB	KQ04973(Logistics và QLCCU)	Marketing	Đỗ Thị Tuyết Mai		MKT18
144	Nguyễn Thủy Dương	684808	K68LOGISA	KQ04973(Logistics và QLCCU)	Marketing	Đỗ Thị Tuyết Mai		MKT18
145	Trần Thị Thủy Dung	684798	K68LOGISB	KQ04973(Logistics và QLCCU)	Marketing	Đỗ Thị Tuyết Mai		MKT18
146	Nguyễn Thủy Dung	681257	K68QTM	KQ04994(Quản trị Marketing)	Marketing	Nguyễn Anh Tru		MKT01
147	Hàn Ngân Hà	675329	K67 QTM	KQ04994(Quản trị Marketing)	Marketing	Nguyễn Anh Tru		MKT01
148	Lê Thị Giang	683545	K68LOGISF	KQ04973(Logistics và QLCCU)	Marketing	Nguyễn Anh Tru		MKT01
149	Đỗ Thị Lan Nhi	682327	K68LOGISF	KQ04973(Logistics và QLCCU)	Marketing	Nguyễn Anh Tru		MKT01
150	Trần Thị Hoa	688465	K68LOGISF	KQ04973(Logistics và QLCCU)	Marketing	Nguyễn Anh Tru		MKT01
151	Nguyễn Lan Phương	685866	K68QTM	KQ04994(Quản trị Marketing)	Marketing	Nguyễn Anh Tru		MKT01
152	Nguyễn Thị Lan Anh	685073	K68QTM	KQ04994(Quản trị Marketing)	Marketing	Nguyễn Anh Tru		MKT01
153	Nguyễn Thị Minh Huệ	683304	K68QTM	KQ04994(Quản trị Marketing)	Marketing	Nguyễn Trọng Tuýnh		MKT17
154	Nông Thành Đạt	680501	K68TMDTB	KQ04972(Thương mại điện tử)	Marketing	Nguyễn Trọng Tuýnh		MKT17
155	Nguyễn Xuân Hiền	675398	K67TMDTB	KQ04972(Thương mại điện tử)	Marketing	Nguyễn Văn Hường		MKT16
156	Nguyễn Duy Hưng	675467	K67TMDTB	KQ04972(Thương mại điện tử)	Marketing	Nguyễn Văn Hường		MKT16
157	Đào Minh Đức	681565	K68LOGISC	KQ04973(Logistics và QLCCU)	Marketing	Nguyễn Văn Hường		MKT16
158	Nguyễn Thị Phương Mai	684895	K68LOGISC	KQ04973(Logistics và QLCCU)	Marketing	Nguyễn Văn Hường		MKT16
159	Nguyễn Thị Huyền Trang	684984	K68LOGISB	KQ04973(Logistics và QLCCU)	Marketing	Nguyễn Văn Hường		MKT16
160	Bùi Thủy Hương	685483	K68QTKDC	KQ04998(Quản trị kinh doanh)	Marketing	Nguyễn Văn Hường		MKT16
161	Ngô Lan Chi	676313	K67LOGISC	KQ04973(Logistics và QLCCU)	Marketing	Nguyễn Văn Hường		MKT16
162	Đoàn Mạnh Tùng	681093	K68TMDTB	KQ04972(Thương mại điện tử)	Marketing	Trần Hữu Cường		MKT05
163	Ngô Phú Việt Trung	676135	K67TMDTA	KQ04972(Thương mại điện tử)	Marketing	Trần Hữu Cường		MKT05
164	Hoàng Văn Thắng	675968	K67TMDTA	KQ04972(Thương mại điện tử)	Marketing	Trần Hữu Cường		MKT05
165	Bùi Thị Khuyến	675554	K67TMDTA	KQ04972(Thương mại điện tử)	Marketing	Trần Hữu Cường		MKT05
166	Nguyễn Trâm Anh	680083	K68TMDTB	KQ04972(Thương mại điện tử)	Marketing	Trần Hữu Cường		MKT05
167	Đinh Duy Tài	688595	K68TMDTB	KQ04972(Thương mại điện tử)	Marketing	Trần Hữu Cường		MKT05
168	Hoàng Thị Thu Huyền	683426	K68LOGISD	KQ04973(Logistics và QLCCU)	Marketing	Trần Hữu Cường		MKT05
169	Đỗ Văn Kiên	682674	K68TMDTB	KQ04972(Thương mại điện tử)	Marketing	Trần Thị Mai Phương		MKT21
170	Hà Thu Trang	676090	K67QTM	KQ04994(Quản trị Marketing)	Marketing	Trần Thị Mai Phương		MKT21
171	Hoàng Thị Châu Anh	685034	K68TMDTB	KQ04972(Thương mại điện tử)	Marketing	Trần Thị Mai Phương		MKT21
172	Lương Ngọc Linh	685554	K68TMDTB	KQ04972(Thương mại điện tử)	Marketing	Trần Thị Mai Phương		MKT21
173	Nguyễn Thị Mỹ Uyên	688616	K68TMDTA	KQ04972(Thương mại điện tử)	Marketing	Trần Thị Mai Phương		MKT21
174	Ngân Thị Thủy Sơn	685925	K68QTKDC	KQ04998(Quản trị kinh doanh)	Marketing	Trần Thị Thu Hương		MKT06
175	Phạm Hoàng Đức	6662404	K66QTKDD	KQ04998(Quản trị kinh doanh)	Marketing	Trần Thị Thu Hương		MKT06
176	Chu Tuấn Phương	676723	K67LOGISF	KQ04973(Logistics và QLCCU)	Marketing	Trần Thị Thu Hương		MKT06
177	Nguyễn Thị Xuân	686225	K68QTKDC	KQ04998(Quản trị kinh doanh)	Marketing	Trần Thị Thu Hương		MKT06
178	Nguyễn Thị Thương	688570	K68TMDTB	KQ04972(Thương mại điện tử)	Marketing	Trần Thị Thu Hương		MKT06
179	Nguyễn Thị Linh Chi	680679	K68TMDTA	KQ04972(Thương mại điện tử)	Marketing	Trần Thị Thu Hương		MKT06
180	Dương Thị Thu	686001	K68TMDTB	KQ04972(Thương mại điện tử)	Marketing	Trần Thị Thu Hương		MKT06
181	Chu Bích Ngọc	684907	K68LOGISE	KQ04973(Logistics và QLCCU)	Marketing	Trần Thị Thu Hương		MKT06
182	Trương Tuyết Mai	683956	K68LOGISD	KQ04973(Logistics và QLCCU)	Marketing	Vũ Thị Hằng Nga		MKT19
183	Bùi Thị Huyền	676488	K67LOGISA	KQ04973(Logistics và QLCCU)	Marketing	Vũ Thị Hằng Nga		MKT19
184	Đỗ Quốc Trọng	681329	K68LOGISD	KQ04973(Logistics và QLCCU)	Marketing	Vũ Thị Hằng Nga		MKT19
185	Phan Quang Vinh	676942	K67LOGISD	KQ04973(Logistics và QLCCU)	Marketing	Vũ Thị Hằng Nga		MKT19
186	Ngô Phương Linh	685555	K68QTM	KQ04994(Quản trị Marketing)	Marketing	Vũ Thị Hằng Nga		MKT19
187	Nguyễn Thị Trà My	685694	K68QTM	KQ04994(Quản trị Marketing)	Marketing	Vũ Thị Hằng Nga		MKT19
188	Trần Nho Thị Huyền	676502	K67LOGISD	KQ04973(Logistics và QLCCU)	Marketing	Vũ Thị Hằng Nga		MKT19
189	Ngô Thị Hằng	685315	K68TMDTA	KQ04972(Thương mại điện tử)	Marketing	Vũ Thị Hằng Nga		MKT19
190	Nguyễn Đỗ Quang Anh	680037	K68LOGISD	KQ04973(Logistics và QLCCU)	Quản trị kinh doanh	Đào Hồng Vân		QKT06
191	Chu Thị Thanh Ngân	681530	K68LOGISF	KQ04973(Logistics và QLCCU)	Quản trị kinh doanh	Đào Hồng Vân		QKT06
192	Nguyễn Mai Phương	682182	K68LOGISA	KQ04973(Logistics và QLCCU)	Quản trị kinh doanh	Đào Hồng Vân		QKT06
193	Đoàn Thị Hậu	683296	K68LOGISA	KQ04973(Logistics và QLCCU)	Quản trị kinh doanh	Đào Hồng Vân		QKT06
194	Nguyễn Thị Ánh Dương	684806	K68LOGISD	KQ04973(Logistics và QLCCU)	Quản trị kinh doanh	Đào Hồng Vân		QKT06
195	Lò Thị Thuận	684967	K68LOGISA	KQ04973(Logistics và QLCCU)	Quản trị kinh doanh	Đào Hồng Vân		QKT06
196	Đặng Thị Huệ	683452	K68LOGISD	KQ04973(Logistics và QLCCU)	Quản trị kinh doanh	Đào Hồng Vân		QKT06
197	Nguyễn Hoàng Mai	676612	K67LOGISF	KQ04973(Logistics và QLCCU)	Quản trị kinh doanh	Đoàn Thị Ngọc Thúy		QKT18
198	Nguyễn Thanh Tâm	676785	K67LOGISA	KQ04973(Logistics và QLCCU)	Quản trị kinh doanh	Đoàn Thị Ngọc Thúy		QKT18
199	Trần Thị Nguyễn	681150	K68LOGISD	KQ04973(Logistics và QLCCU)	Quản trị kinh doanh	Đoàn Thị Ngọc Thúy		QKT18
200	Nguyễn Phú Toàn	682010	K68LOGISC	KQ04973(Logistics và QLCCU)	Quản trị kinh doanh	Đoàn Thị Ngọc Thúy		QKT18
201	Lê Thị Thủy Trang	684981	K68LOGISC	KQ04973(Logistics và QLCCU)	Quản trị kinh doanh	Đoàn Thị Ngọc Thúy		QKT18
202	Lê Đình Xuân	685006	K68LOGISC	KQ04973(Logistics và QLCCU)	Quản trị kinh doanh	Đoàn Thị Ngọc Thúy		QKT18
203	Hoàng Văn Anh	676256	K67LOGISC	KQ04973(Logistics và QLCCU)	Quản trị kinh doanh	Lê Thị Kim Oanh		QKT16

STT	Họ tên	MSV	Lớp	Mã học phần	Phân công bộ môn	Giáo viên hướng dẫn	GVHD 2	Mã GV
204	Nguyễn Thị Thuý Dương	676372	K67LOGISC	KQ04973(Logistics và QLCCU)	Quản trị kinh doanh	Lê Thị Kim Oanh		QKT16
205	Phạm Huyền Trang	676884	K67LOGISF	KQ04973(Logistics và QLCCU)	Quản trị kinh doanh	Lê Thị Kim Oanh		QKT16
206	Trình Thị Minh Ngọc	683848	K68LOGISC	KQ04973(Logistics và QLCCU)	Quản trị kinh doanh	Lê Thị Kim Oanh		QKT16
207	Phạm Thị Huyền	684859	K68LOGISF	KQ04973(Logistics và QLCCU)	Quản trị kinh doanh	Lê Thị Kim Oanh		QKT16
208	Đặng Thị Minh Ngọc	688429	K68LOGISE	KQ04973(Logistics và QLCCU)	Quản trị kinh doanh	Lê Thị Kim Oanh		QKT16
209	Nguyễn Thành Trung	680362	K68QTKDC	KQ04998(Quản trị kinh doanh)	Quản trị kinh doanh	Lê Thị Kim Oanh		QKT16
210	Nguyễn Hoàng Nam	676642	K67LOGISA	KQ04973(Logistics và QLCCU)	Quản trị kinh doanh	Lê Thị Thu Hương		QKT05
211	Phạm Thị Lan Anh	681320	K68LOGISF	KQ04973(Logistics và QLCCU)	Quản trị kinh doanh	Lê Thị Thu Hương		QKT05
212	Vũ Thị Minh Phúc	682683	K68LOGISD	KQ04973(Logistics và QLCCU)	Quản trị kinh doanh	Lê Thị Thu Hương		QKT05
213	Đinh Hiếu Ngân	683448	K68LOGISE	KQ04973(Logistics và QLCCU)	Quản trị kinh doanh	Lê Thị Thu Hương		QKT05
214	Trần Thanh Thủy	683854	K68LOGISE	KQ04973(Logistics và QLCCU)	Quản trị kinh doanh	Lê Thị Thu Hương		QKT05
215	Phạm Văn Long	684884	K68LOGISC	KQ04973(Logistics và QLCCU)	Quản trị kinh doanh	Lê Thị Thu Hương		QKT05
216	Nguyễn Phương Ngọc	684909	K68LOGISA	KQ04973(Logistics và QLCCU)	Quản trị kinh doanh	Lê Thị Thu Hương		QKT05
217	Trương Thị Hồng Nhung	680088	K68LOGISA	KQ04973(Logistics và QLCCU)	Quản trị kinh doanh	Nguyễn Công Tiệp		QKT07
218	Nguyễn Thị Hồng Thanh	682696	K68LOGISE	KQ04973(Logistics và QLCCU)	Quản trị kinh doanh	Nguyễn Công Tiệp		QKT07
219	Bùi Hiếu Phương	684929	K68LOGISA	KQ04973(Logistics và QLCCU)	Quản trị kinh doanh	Nguyễn Công Tiệp		QKT07
220	Nguyễn Nhật Phong	688421	K68LOGISC	KQ04973(Logistics và QLCCU)	Quản trị kinh doanh	Nguyễn Công Tiệp		QKT07
221	Võ Thị Thanh Tuyền	688447	K68LOGISD	KQ04973(Logistics và QLCCU)	Quản trị kinh doanh	Nguyễn Công Tiệp		QKT07
222	Nguyễn Thị Thuý Dương	680810	K68LOGISD	KQ04973(Logistics và QLCCU)	Quản trị kinh doanh	Nguyễn Ngọc Mai		QKT15
223	Nguyễn Thu Phương	682066	K68LOGISA	KQ04973(Logistics và QLCCU)	Quản trị kinh doanh	Nguyễn Ngọc Mai		QKT15
224	Đặng Hương Mơ	683083	K68LOGISF	KQ04973(Logistics và QLCCU)	Quản trị kinh doanh	Nguyễn Ngọc Mai		QKT15
225	nguyễn văn việt anh	684773	K68LOGISF	KQ04973(Logistics và QLCCU)	Quản trị kinh doanh	Nguyễn Ngọc Mai		QKT15
226	Lưu Ngọc Mai	684894	K68LOGISD	KQ04973(Logistics và QLCCU)	Quản trị kinh doanh	Nguyễn Ngọc Mai		QKT15
227	Đinh Thị Minh Thư	688471	K68LOGISE	KQ04973(Logistics và QLCCU)	Quản trị kinh doanh	Nguyễn Ngọc Mai		QKT15
228	Trần Phương Mai	680465	K68LOGISD	KQ04973(Logistics và QLCCU)	Quản trị kinh doanh	Nguyễn Ngọc Mai		QKT15
229	Trần Thị Tuyết Trinh	676896	K67LOGISF	KQ04973(Logistics và QLCCU)	Quản trị kinh doanh	Nguyễn Quốc Chính		QKT04
230	Dương Thị Chuyên	681763	K68LOGISD	KQ04973(Logistics và QLCCU)	Quản trị kinh doanh	Nguyễn Quốc Chính		QKT04
231	Phạm Hải Yến	683419	K68LOGISD	KQ04973(Logistics và QLCCU)	Quản trị kinh doanh	Nguyễn Quốc Chính		QKT04
232	Trần Như Phương	684935	K68LOGISD	KQ04973(Logistics và QLCCU)	Quản trị kinh doanh	Nguyễn Quốc Chính		QKT04
233	Nguyễn Thị Hà Vi	685002	K68LOGISD	KQ04973(Logistics và QLCCU)	Quản trị kinh doanh	Nguyễn Quốc Chính		QKT04
234	Phan Nhã Phương	681262	K68LOGISA	KQ04973(Logistics và QLCCU)	Quản trị kinh doanh	Nguyễn Quốc Chính		QKT04
235	Trình Thị Thảo	676809	K67LOGISF	KQ04973(Logistics và QLCCU)	Quản trị kinh doanh	Nguyễn Thị Kim Oanh		QKT20
236	Nguyễn Thị Mai Anh	683310	K68LOGISB	KQ04973(Logistics và QLCCU)	Quản trị kinh doanh	Nguyễn Thị Kim Oanh		QKT20
237	Nguyễn Thị Thuý Linh	683978	K68LOGISE	KQ04973(Logistics và QLCCU)	Quản trị kinh doanh	Nguyễn Thị Kim Oanh		QKT20
238	Lê Thị Phương	684930	K68LOGISC	KQ04973(Logistics và QLCCU)	Quản trị kinh doanh	Nguyễn Thị Kim Oanh		QKT20
239	Trần Thị Trang	688466	K68LOGISB	KQ04973(Logistics và QLCCU)	Quản trị kinh doanh	Nguyễn Thị Kim Oanh		QKT20
240	Nguyễn Thu Hà	684823	K68LOGISE	KQ04973(Logistics và QLCCU)	Quản trị kinh doanh	Nguyễn Thị Kim Oanh		QKT20
241	Nguyễn Hoàng Khánh Linh	6669035	K66QTKDB	KQ04998(Quản trị kinh doanh)	Quản trị kinh doanh	Nguyễn Thị Kim Oanh		QKT20
242	Đoàn Tú Anh	676231	K67LOGISA	KQ04973(Logistics và QLCCU)	Quản trị kinh doanh	Nguyễn Thị Thu Trang		QKT17
243	Lê Thanh Bình	676305	K67LOGISF	KQ04973(Logistics và QLCCU)	Quản trị kinh doanh	Nguyễn Thị Thu Trang		QKT17
244	Hoàng Phi Hồng	676454	K67LOGISA	KQ04973(Logistics và QLCCU)	Quản trị kinh doanh	Nguyễn Thị Thu Trang		QKT17
245	Nguyễn Trọng Đạo	681777	K68LOGISA	KQ04973(Logistics và QLCCU)	Quản trị kinh doanh	Nguyễn Thị Thu Trang		QKT17
246	Đặng Thị Châm	684783	K68LOGISE	KQ04973(Logistics và QLCCU)	Quản trị kinh doanh	Nguyễn Thị Thu Trang		QKT17
247	Trần Thị Hương Ly	684892	K68LOGISE	KQ04973(Logistics và QLCCU)	Quản trị kinh doanh	Nguyễn Thị Thu Trang		QKT17
248	Phạm Tuấn Anh	676283	K67LOGISF	KQ04973(Logistics và QLCCU)	Quản trị kinh doanh	Phạm Thị Hương Dịu		QKT14
249	Lý Thị Hồng Huệ	676456	K67LOGISE	KQ04973(Logistics và QLCCU)	Quản trị kinh doanh	Phạm Thị Hương Dịu		QKT14
250	Nguyễn Minh Quang	681884	K68LOGISC	KQ04973(Logistics và QLCCU)	Quản trị kinh doanh	Phạm Thị Hương Dịu		QKT14
251	Đào Thị Hồng Anh	683535	K68LOGISD	KQ04973(Logistics và QLCCU)	Quản trị kinh doanh	Phạm Thị Hương Dịu		QKT14
252	Phan Mạnh Tiến	684978	K68LOGISD	KQ04973(Logistics và QLCCU)	Quản trị kinh doanh	Phạm Thị Hương Dịu		QKT14
253	Nguyễn Hữu Trường	676903	K67LOGISE	KQ04973(Logistics và QLCCU)	Quản trị kinh doanh	Phạm Thị Hương Dịu		QKT14
254	Nguyễn Hoàng Yến Vy	676945	K67LOGISD	KQ04973(Logistics và QLCCU)	Quản trị kinh doanh	Phạm Thị Hương Dịu		QKT14
255	Đinh Thị Khánh Linh	680566	K68LOGISB	KQ04973(Logistics và QLCCU)	Quản trị kinh doanh	Trần Thị Thanh Huyền		QKT13
256	Đào Bích Ngọc	682301	K68LOGISB	KQ04973(Logistics và QLCCU)	Quản trị kinh doanh	Trần Thị Thanh Huyền		QKT13
257	lê hạ ngân	683084	k68LOGISB	KQ04973(Logistics và QLCCU)	Quản trị kinh doanh	Trần Thị Thanh Huyền		QKT13
258	Trình Thị Thùy Trang	684988	K68LOGISC	KQ04973(Logistics và QLCCU)	Quản trị kinh doanh	Trần Thị Thanh Huyền		QKT13
259	Vũ Thị Mai	682098	K68LOGISE	KQ04973(Logistics và QLCCU)	Quản trị kinh doanh	Trần Thị Thanh Huyền		QKT13
260	Nguyễn Thị Lan Anh	682959	k68QTKDC	KQ04998(Quản trị kinh doanh)	Quản trị kinh doanh	Trần Thị Thanh Huyền		QKT13
261	Cao Phan Minh Quân	676743	K67LOGISA	KQ04973(Logistics và QLCCU)	Tài chính	Bùi Thị Hồng Nhung		TCH15
262	Lâm Thị Yến Nhi	680703	K6LOGISB	KQ04973(Logistics và QLCCU)	Tài chính	Bùi Thị Hồng Nhung		TCH15
263	Nguyễn Diệu Linh	680871	K68LOGISD	KQ04973(Logistics và QLCCU)	Tài chính	Bùi Thị Hồng Nhung		TCH15
264	Bùi Thị Lành	681667	K68LOGISB	KQ04973(Logistics và QLCCU)	Tài chính	Bùi Thị Hồng Nhung		TCH15
265	Nguyễn Thị Hường	682695	K68TCNHB	KQ04992(Tài chính ngân hàng)	Tài chính	Bùi Thị Hồng Nhung		TCH15
266	Nguyễn Trần Minh Phương	685874	K68TCNHB	KQ04992(Tài chính ngân hàng)	Tài chính	Bùi Thị Hồng Nhung		TCH15
267	Nguyễn Văn Hương Giang	6654413	K66TCNHB	KQ04992(Tài chính ngân hàng)	Tài chính	Bùi Thị Hồng Nhung		TCH15
268	Nguyễn Hữu Phong	676717	K67LOGISF	KQ04973(Logistics và QLCCU)	Tài chính	Đặng Thị Hải Yến		TCH14
269	Nguyễn Hà Thu	676820	K67LOGISD	KQ04973(Logistics và QLCCU)	Tài chính	Đặng Thị Hải Yến		TCH14
270	Nguyễn Tiến Đạt	680023	K68LOGISC	KQ04973(Logistics và QLCCU)	Tài chính	Đặng Thị Hải Yến		TCH14
271	Phạm Đào Bảo Trung	673602	K67TCNHA	KQ04992(Tài chính ngân hàng)	Tài chính	Đặng Thị Hải Yến		TCH14

STT	Họ tên	MSV	Lớp	Mã học phần	Phân công bộ môn	Giáo viên hướng dẫn	GVHD 2	Mã GV
272	Nguyễn Thị Lan	682316	K68TCNHA	KQ04992(Tài chính ngân hàng)	Tài chính	Đặng Thị Hải Yến		TCH14
273	Nguyễn Thị Ngọc Anh	685075	K68TCNHA	KQ04992(Tài chính ngân hàng)	Tài chính	Đặng Thị Hải Yến		TCH14
274	Nguyễn Thị Hiền	688537	K68QTTCA	KQ04996(Quản trị tài chính)	Tài chính	Đặng Thị Hải Yến		TCH14
275	Nguyễn Thị Ngọc Liên	676541	K67LOGISD	KQ04973(Logistics và QLCCU)	Tài chính	Đào Thị Hoàng Anh		TCH13
276	Nguyễn Thị Tâm	676784	K67LOGISF	KQ04973(Logistics và QLCCU)	Tài chính	Đào Thị Hoàng Anh		TCH13
277	Lê Đức Thạch	676786	K67LOGISA	KQ04973(Logistics và QLCCU)	Tài chính	Đào Thị Hoàng Anh		TCH13
278	Nguyễn Xuân Phúc	683384	K68LOGISD	KQ04973(Logistics và QLCCU)	Tài chính	Đào Thị Hoàng Anh		TCH13
279	Nguyễn Thị Phương Thảo	683901	K68TCNHB	KQ04992(Tài chính ngân hàng)	Tài chính	Đào Thị Hoàng Anh		TCH13
280	Lưu Nguyễn Hà Lê	685533	K68TCNHA	KQ04992(Tài chính ngân hàng)	Tài chính	Đào Thị Hoàng Anh		TCH13
281	Đào Thị Nhung	681561	K68TCNHA	KQ04992(Tài chính ngân hàng)	Tài chính	Đào Thị Hoàng Anh		TCH13
282	Nguyễn Trung Kiên	676522	K68LOGISB	KQ04973(Logistics và QLCCU)	Tài chính	Lê Thị Thanh Hào		TCH06
283	Nguyễn Đại Dương	683799	K68LOGISB	KQ04973(Logistics và QLCCU)	Tài chính	Lê Thị Thanh Hào		TCH06
284	Vũ Lan Anh	684775	K68LOGISF	KQ04973(Logistics và QLCCU)	Tài chính	Lê Thị Thanh Hào		TCH06
285	Trần Thu Trang	684987	K68LOGISE	KQ04973(Logistics và QLCCU)	Tài chính	Lê Thị Thanh Hào		TCH06
286	Trần Thị Nam Linh	680589	K68TCNHB	KQ04992(Tài chính ngân hàng)	Tài chính	Lê Thị Thanh Hào		TCH06
287	Giảng A Lữ	685626	K68TCNHA	KQ04992(Tài chính ngân hàng)	Tài chính	Lê Thị Thanh Hào		TCH06
288	Phạm Thị Thuý Tiên	681556	K68TCNHB	KQ04992(Tài chính ngân hàng)	Tài chính	Lê Thị Thanh Hào		TCH06
289	Phạm Ngọc Mỹ Anh	681289	K68LOGISD	KQ04973(Logistics và QLCCU)	Tài chính	Nguyễn Duy Linh		TCH05
290	Nguyễn Thùy Trang	683863	K68LOGISB	KQ04973(Logistics và QLCCU)	Tài chính	Nguyễn Duy Linh		TCH05
291	Trần Thị Ngọc Mai	6669033	K66LOGISA	KQ04973(Logistics và QLCCU)	Tài chính	Nguyễn Duy Linh		TCH05
292	Trần Lưu Khánh Chi	680105	K68TCNHA	KQ04992(Tài chính ngân hàng)	Tài chính	Nguyễn Duy Linh		TCH05
293	Nguyễn Nguyệt Minh	681753	K68TCNHA	KQ04992(Tài chính ngân hàng)	Tài chính	Nguyễn Duy Linh	Nguyễn Ngọc Diệp Linh	TCH05
294	Đặng Thị Thu Phương	685862	K68TCNHA	KQ04992(Tài chính ngân hàng)	Tài chính	Nguyễn Duy Linh	Nguyễn Ngọc Diệp Linh	TCH05
295	Nguyễn Diệu Huyền	684858	K68LOGISC	KQ04973(Logistics và QLCCU)	Tài chính	Nguyễn Thị Hương		TCH09
296	Lý Nam Giang	688428	K68LOGISA	KQ04973(Logistics và QLCCU)	Tài chính	Nguyễn Thị Hương		TCH09
297	Lê thu phương	681208	K68LOGISB	KQ04973(Logistics và QLCCU)	Tài chính	Nguyễn Thị Hương		TCH09
298	Lê Xuân Tài	680735	K68TCNHA	KQ04992(Tài chính ngân hàng)	Tài chính	Nguyễn Thị Hương		TCH09
299	Nguyễn Phương Thu	682054	K68TCNHA	KQ04992(Tài chính ngân hàng)	Tài chính	Nguyễn Thị Hương		TCH09
300	Lê Việt Anh	685042	K68TCNHA	KQ04992(Tài chính ngân hàng)	Tài chính	Nguyễn Thị Hương		TCH09
301	Nguyễn Ngọc Phương	6662128	K66TCNHB	KQ04992(Tài chính ngân hàng)	Tài chính	Nguyễn Thị Hương		TCH09
302	Vì Thị Bích Phương	684938	K68LOGISD	KQ04973(Logistics và QLCCU)	Tài chính	Trần Trọng Nam		TCH12
303	Nguyễn Thị Hải Yến	685009	K68LOGISB	KQ04973(Logistics và QLCCU)	Tài chính	Trần Trọng Nam		TCH12
304	Vũ Ngân Hà	680317	K68TCNHB	KQ04992(Tài chính ngân hàng)	Tài chính	Trần Trọng Nam		TCH12
305	Đậu Thị Hoài	685383	K68TCNHA	KQ04992(Tài chính ngân hàng)	Tài chính	Trần Trọng Nam		TCH12
306	Lêo Thị Kiều Trâm	686134	K68TCNHA	KQ04992(Tài chính ngân hàng)	Tài chính	Trần Trọng Nam		TCH12
307	Nguyễn Quỳnh Anh	675118	K67QTTCA	KQ04996(Quản trị tài chính)	Tài chính	Trần Trọng Nam		TCH12
308	Nguyễn Tiến Thành	6665471	K66QTKDB	KQ04998(Quản trị kinh doanh)	Tài chính	Trần Trọng Nam		TCH12